CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

From Local
To Global

www.caseamex.com

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Ký ngày: 15/4/2026 15:03:50

MỤC LỤC

CHƯƠNG 01:
Thông tin chung

CHƯƠNG 02:
Tình hình hoạt động trong năm

CHƯƠNG 03:
Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

CHƯƠNG 04:
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động công ty

CHƯƠNG 05:
Quản trị công ty

CHƯƠNG 06:
Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

From Local
To Global

CHƯƠNG 1

THÔNG TIN CHUNG 4

1	Thông tin khái quát	6
2	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
3	Thông tin về mô hình quản trị	14
4	Định hướng phát triển	16
5	Các rủi ro	18

CHƯƠNG 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY 51

1	Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của công ty	52
2	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành	52
3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	52

CHƯƠNG 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 22

1	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	24
2	Tổ chức và nhân sự	26
3	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	32
4	Tình hình tài chính	34
5	Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu	36
6	Báo cáo liên quan về tác động của môi trường và xã hội	38

CHƯƠNG 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY 54

1	Hội đồng quản trị	56
2	Ban Kiểm Soát	58

CHƯƠNG 3

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC 40

1	Đánh giá về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	42
2	Tình hình tài chính	44
3	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	46
4	Kế hoạch phát triển trong tương lai	46
5	Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	47

CHƯƠNG 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 62

1	Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025	64

01

THÔNG TIN CHUNG

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

01. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Tên tiếng Anh:	CAN THO IMPORT EXPORT SEAFOOD JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	CASEAMEX
Mã cổ phiếu:	CCA
Vốn điều lệ:	181.106.190.000 đồng.
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	181.106.190.000 đồng.
Địa chỉ:	2-12, Khu Công Nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, TP Cần Thơ.
Giấy CN ĐKDN:	Số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23/06/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/09/2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp.
Điện thoại:	(0292) 3841 289
Fax:	(0292) 3841 116
Website:	https://caseamex.com/

TẦM NHÌN

Chúng tôi mong muốn trở thành nhà cung cấp thủy sản Việt Nam hướng đến thị trường toàn cầu, là đối tác lâu dài được khách hàng ưa thích và là đơn vị đóng góp có trách nhiệm cho phát triển bền vững của ngành nuôi trồng thủy sản.

SỨ MỆNH

- Mang đến cho khách hàng những sản phẩm an toàn đạt chất lượng cao được sản xuất trong quy trình khép kín và tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm quốc tế.
- Mở rộng thị trường, góp phần làm đẹp hơn hình ảnh của ngành thủy sản Việt Nam trên thị trường thế giới.
- Mở rộng hoạt động sản xuất, qua đó tăng cường lợi nhuận nhằm đảm bảo phát triển và nâng cao chất lượng đời sống cho các cán bộ, công nhân viên và người lao động.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Chất lượng
Chúng tôi cố gắng nâng cao chất lượng cho toàn bộ quy trình

Tập trung vào khách hàng
Chúng tôi cung cấp chất lượng tốt nhất với dịch vụ khách hàng xuất sắc

Minh bạch
Chúng tôi luôn minh bạch trong mọi hoạt động của công ty

CASEAMEX VIỆT NAM

CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) là một tiêu chuẩn thực phẩm phổ biến với hệ thống đánh giá đồng nhất sử dụng để đủ điều kiện và lựa chọn nhà cung cấp.

Chứng nhận HALAL là một quá trình chứng nhận đảm bảo các tính năng và chất lượng của sản phẩm tuân thủ các quy tắc được thiết lập bởi Hội đồng Hồi giáo cho phép sử dụng nhãn hiệu HALAL.

Tiêu chuẩn SA8000 là chương trình chứng nhận xã hội hàng đầu thế giới. Nó cung cấp một khuôn khổ tổng thể cho phép các tổ chức thuộc mọi loại hình, trong bất kì ngành nào và ở bất kì quốc gia nào thể hiện sự cống hiến của họ đối với việc đối xử công bằng với người lao động.

BRC là tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm, một tiêu chuẩn được đánh giá bởi GFSI do Hiệp hội bán lẻ Anh quốc (British Retail Consortium - BRC) giới thiệu lần đầu tiên vào năm 1998.

Tiêu chuẩn thực hành nuôi tốt (BAP) được phát triển bởi Liên minh nuôi trồng thủy sản toàn cầu (Global Aquaculture Alliance - GAA), và được quản lý bởi Hội đồng chứng nhận nuôi trồng thủy sản (ACC). Chứng nhận BAP đảm bảo an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, truy xuất nguồn gốc, phúc lợi động vật và trách nhiệm xã hội.

ASC được viết tắt là Hội Đồng Quản Lý Nuôi Trồng Thủy Sản (Aquaculture Stewardship Council), là một tổ chức độc lập phi lợi nhuận và tổ chức ghi nhãn thiết lập quy trình cho thủy sản nuôi mà vẫn đảm bảo tính bền vững cho ngành nuôi trồng thủy sản.

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH PHÁT TRIỂN

2006

Ngày 01/07/2006, theo chủ trương của Chính phủ về đổi mới doanh nghiệp nhà nước, CASEAMEX được tách ra từ CATACO và chuyển đổi sang công ty cổ phần với vốn điều lệ là 28 tỷ đồng. Công ty được cổ phần hóa với tên gọi là Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX), trụ sở tại Khu công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ - là trung tâm kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long. CASEAMEX đã xuất khẩu sang hơn 50 quốc gia và vùng lãnh thổ, đặc biệt là sản phẩm đã có mặt trên kệ hàng của những chuỗi siêu thị lớn nhất Bắc Mỹ, EU.

2019

Ngày 26/12/2019, Công Ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản Cần Thơ (CASEAMEX) chính thức được giao dịch trên sàn UpCOM.

2019 - Nay

Sau nhiều năm hoạt động độc lập, công ty đã trở thành một trong những doanh nghiệp mạnh của Việt Nam về xuất khẩu cá tra trên thị trường EU và thị trường Mỹ với chất lượng sản phẩm đáp ứng được các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm của các nhà nhập khẩu cũng như thị hiếu tiêu dùng của thị trường quốc tế. Mặt hàng chủ lực của CASEAMEX là chế biến cá tra đông lạnh. Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306 đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30/09/2025 với vốn điều lệ đăng ký là 181.106.190.000 đồng.

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

» Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thuỷ sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

SẢN PHẨM CHÍNH

Trong nhiều năm liền, Công ty luôn được công nhận là một trong những doanh nghiệp lớn của Việt Nam về xuất khẩu thủy sản chế biến đông lạnh với mặt hàng chủ lực là cá tra.

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Lĩnh vực liên quan đến thủy sản là lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty. Hiện tại, Công ty tập trung vào hoạt động xuất khẩu trong lĩnh vực thủy sản, mở rộng thị trường tập trung phát triển các khu vực tiềm năng như Châu Âu, Châu Mỹ,… Với cam kết không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, CASEAMEX khẳng định vị thế trên thị trường quốc tế, mang đến những sản phẩm thủy sản chất lượng cao, đáp ứng tiêu chuẩn khắt khe của các đối tác toàn cầu.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

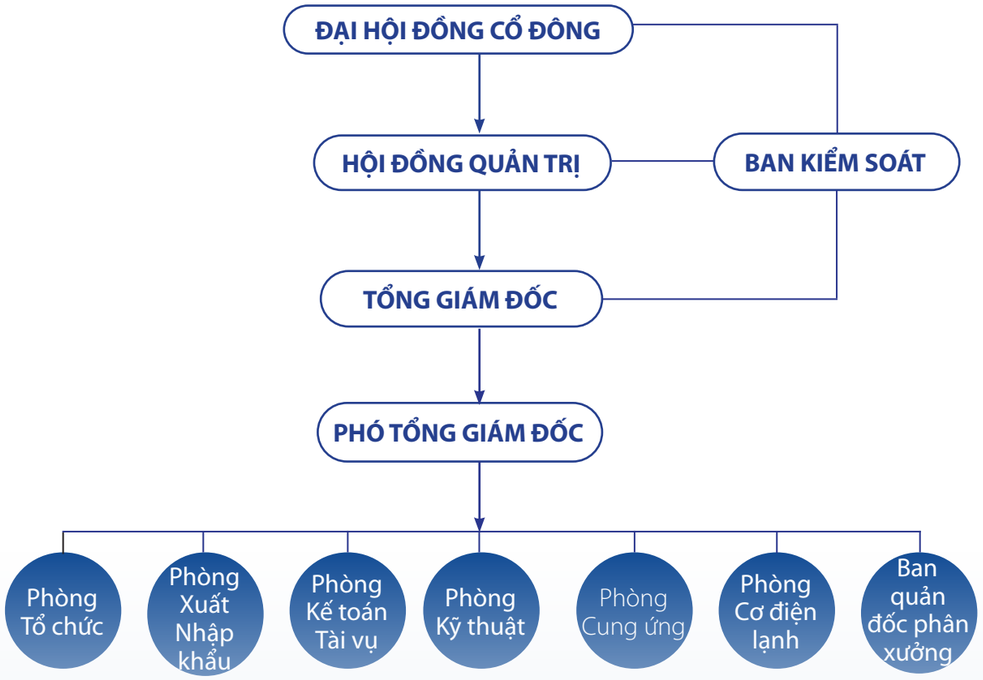

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BAN KIỂM SOÁT

Thực hiện chức năng giám sát, đánh giá các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty để báo cáo cho ĐHĐCĐ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty có trách nhiệm giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và các bộ phận quản lý khác.

CÁC PHÒNG BA N LIÊN QUAN

Hỗ trợ công việc cho Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh.

CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: Không có

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, Xã Lục Sĩ Thành, Tỉnh Vĩnh Long
2	Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ - chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, Tờ bản đồ số 04, Cồn nổi số 2, Ấp Phụng Tường 2, Xã Nhơn Mỹ, TP Cần Thơ

5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Thủy sản Cần Thơ tiếp tục tập trung phát triển ngành hàng chủ lực là cá tra, định hướng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Công ty chú trọng củng cố các thị trường xuất khẩu truyền thống như EU, Mỹ, Nhật Bản, đồng thời tìm kiếm và mở rộng sang các thị trường tiềm năng nhằm đa dạng hóa đầu ra và giảm thiểu rủi ro phụ thuộc thị trường.
- CASEAMEX đẩy mạnh nâng cao giá trị sản phẩm cá tra thông qua việc phát triển các dòng sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm giá trị gia tăng, phù hợp với xu hướng tiêu dùng tiện lợi và yêu cầu truy xuất nguồn gốc ngày càng cao. Song song đó, Công ty tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ, tối ưu hóa quy trình sản xuất, nâng cao năng suất và kiểm soát chất lượng sản phẩm một cách đồng bộ.
- Bên cạnh đó, Công ty tăng cường liên kết với vùng nuôi cá tra đạt chuẩn, từng bước chủ động nguồn nguyên liệu ổn định, đảm bảo chất lượng và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật khắt khe từ thị trường nhập khẩu. CASEAMEX cũng duy trì và nâng cao các tiêu chuẩn quản lý chất lượng quốc tế như HACCP, BRC, ASC, BAP… nhằm khẳng định uy tín và năng lực cạnh tranh trên thị trường.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

CASEAMEX xác định phát triển bền vững là nền tảng xuyên suốt, hướng đến cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường thông qua tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải và tối ưu sử dụng tài nguyên. Công ty ưu tiên mô hình sản xuất xanh, sử dụng nguyên liệu đạt chứng nhận bền vững nhằm giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái.

Đồng thời, CASEAMEX chú trọng trách nhiệm xã hội, cải thiện điều kiện làm việc, đảm bảo quyền lợi người lao động và tích cực đóng góp cho cộng đồng. Hệ thống quản trị được hoàn thiện theo hướng minh bạch, tiệm cận tiêu chuẩn ESG, đồng thời chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm đảm bảo phát triển bền vững lâu dài.

CÁC CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trong giai đoạn 2025–2030, CASEAMEX tập trung vào các chiến lược trọng tâm:

- Củng cố vị thế trong ngành cá tra xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh thông qua chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí.
- Đa dạng hóa sản phẩm, phát triển các dòng sản phẩm chế biến sâu, sản phẩm tiện lợi, phù hợp với xu hướng tiêu dùng toàn cầu.
- Đầu tư công nghệ và chuyển đổi số, ứng dụng hệ thống quản lý sản xuất, truy xuất nguồn gốc và quản trị doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.
- Phát triển vùng nguyên liệu liên kết, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng, an toàn sinh học và truy xuất nguồn gốc rõ ràng.
- Tăng cường quản trị rủi ro, đặc biệt trong bối cảnh biến động về thương mại quốc tế, chính sách thuế và các rào cản kỹ thuật.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chú trọng đào tạo kỹ năng chuyên môn, quản trị và thích ứng với chuyển đổi số.
- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, tìm kiếm đối tác chiến lược, mở rộng kênh phân phối và gia tăng giá trị chuỗi.

6. CÁC RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Năm 2025, kinh tế toàn cầu có nhiều biến động và tiềm ẩn rủi ro. Căng thẳng địa chính trị tại một số khu vực trọng yếu vẫn kéo dài, cạnh tranh chiến lược giữa các nền kinh tế lớn ngày càng gia tăng, trong khi chính sách tiền tệ thắt chặt được duy trì tại nhiều quốc gia nhằm kiểm soát lạm phát. Những yếu tố này không chỉ ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi kinh tế toàn cầu mà còn gây ra biến động về tỷ giá, chi phí vốn và giá nguyên vật liệu đầu vào. Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2025 ước đạt khoảng 2,8% – 3,0%, phản ánh xu hướng phục hồi nhưng chưa thực sự vững chắc, trong khi hoạt động thương mại quốc tế tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Đáng chú ý, các xung đột địa chính trị tại Trung Đông, đặc biệt liên quan đến Iran, có thể làm gia tăng rủi ro gián đoạn chuỗi cung ứng năng lượng toàn cầu, tác động đến giá dầu, chi phí vận tải và bảo hiểm hàng hải. Những biến động này gián tiếp ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, logistics và sức mua tại các thị trường nhập khẩu, qua đó tạo thêm áp lực đối với hoạt động xuất khẩu của doanh nghiệp.
Tại Việt Nam, nền kinh tế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực với GDP năm 2025 ước đạt 8,02%. Quy mô nền kinh tế ước vượt 500 tỷ USD, GDP bình quân đầu người đạt khoảng 5.000 USD/người/năm. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn chịu tác động đáng kể từ bối cảnh bên ngoài, đặc biệt là sự biến động của nhu cầu tiêu dùng và chính sách thương mại tại các thị trường xuất khẩu chủ lực.
Đối với ngành nông, lâm, thủy sản, hoạt động sản xuất tiếp tục đối mặt với nhiều yếu tố bất định như biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, hạn hán và xâm nhập mặn, đặc biệt tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long – vùng trọng điểm nuôi trồng thủy sản của cả nước.
Mặc dù vậy, nhờ việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, cải thiện năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm, ngành vẫn duy trì được xu hướng tăng trưởng ổn định. Năm 2025 kim ngạch xuất khẩu thủy sản Việt Nam đạt khoảng 11,3 tỷ USD, tăng nhẹ so với năm trước, trong đó các sản phẩm chủ lực như tôm và cá tra tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt.
Tuy nhiên, nhu cầu tại các thị trường xuất khẩu chính như Mỹ, EU và Trung Quốc vẫn tiềm ẩn nhiều rủi ro do áp lực lạm phát kéo dài, xu hướng thắt chặt chi tiêu của người tiêu dùng, cùng với các rào cản kỹ thuật và chính sách bảo hộ thương mại ngày càng gia tăng. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sản lượng tiêu thụ, giá bán và biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong ngành.
Trước bối cảnh đó, Công ty chủ động theo dõi chặt chẽ diễn biến kinh tế vĩ mô trong nước và quốc tế, đồng thời xây dựng các kịch bản kinh doanh linh hoạt nhằm kịp thời ứng phó với các biến động bất lợi. Công ty tiếp tục đẩy mạnh chiến lược đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, giảm phụ thuộc vào một số thị trường truyền thống, đồng thời tối ưu hóa chuỗi sản xuất – cung ứng, kiểm soát chặt chẽ chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành. Bên cạnh đó, Công ty chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế ngày càng khắt khe, qua đó củng cố năng lực cạnh tranh và hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.

RỦI RO LUẬT PHÁP

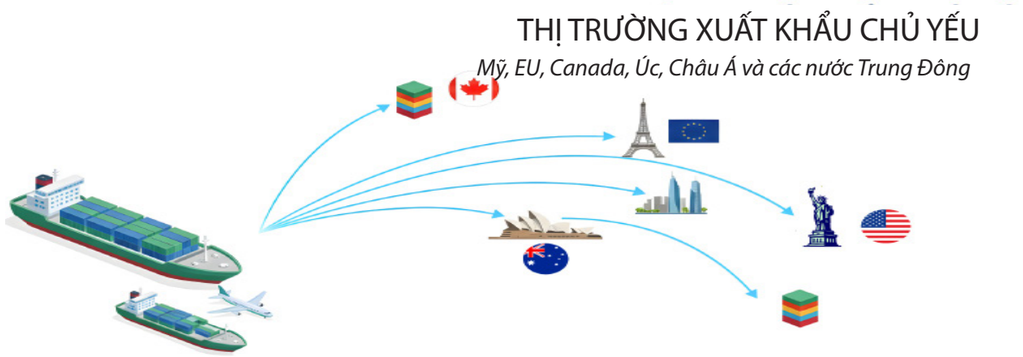

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến và xuất khẩu thủy sản, chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thuế, Luật Tài nguyên môi trường và các quy định liên quan. Đồng thời, Công ty phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định pháp lý tại các thị trường xuất khẩu chủ lực như Mỹ, EU, Canada, Úc và Trung Đông, bao gồm các yêu cầu về an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và tiêu chuẩn môi trường. Các thay đổi về chính sách thương mại, rào cản kỹ thuật hoặc yêu cầu ESG ngày càng khắt khe có thể ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu. Để hạn chế rủi ro, Công ty chủ động cập nhật quy định pháp luật, tăng cường kiểm soát tuân thủ và linh hoạt điều chỉnh hoạt động sản xuất – kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của từng thị trường.

RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Hoạt động của Công ty phụ thuộc lớn vào các yếu tố môi trường như chất lượng nguồn nước, điều kiện khí hậu và hệ sinh thái nuôi trồng. Các hiện tượng biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm môi trường và dịch bệnh có thể ảnh hưởng trực tiếp đến nguồn nguyên liệu và chất lượng sản phẩm. Bên cạnh đó, các yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững từ thị trường xuất khẩu ngày càng gia tăng, tiềm ẩn rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh nếu không đáp ứng kịp thời.
Công ty đã triển khai các biện pháp kiểm soát như ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ vào xử lý nước thải bằng phương pháp sinh học, xây dựng hệ thống quan trắc để theo dõi nguồn nước, giám sát môi trường và nâng cao năng lực quản trị nhằm giảm thiểu tác động và hướng tới phát triển bền vững.

6. CÁC RỦI RO (tiếp theo)

RỦI RO NGUYÊN VẬT LIỆU ĐẦU VÀO

Nguồn nguyên liệu cá tra đóng vai trò then chốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ. Trong giai đoạn 2024–2025, nguồn cung nguyên liệu trong nước có nhiều biến động do chi phí nuôi tăng, giá thức ăn thủy sản duy trì ở mức cao và sự thay đổi trong kế hoạch thả nuôi của người dân, dẫn đến nguy cơ thiếu hụt cục bộ theo từng thời điểm. Đồng thời, giá nguyên liệu đầu vào biến động theo thị trường và các yêu cầu ngày càng khắt khe về chất lượng, truy xuất nguồn gốc từ thị trường nhập khẩu cũng tạo áp lực đáng kể đối với Công ty. Mặc dù Công ty đã duy trì liên kết với các vùng nuôi tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long nhằm đảm bảo nguồn cung, rủi ro liên quan đến nguyên liệu vẫn có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tăng cường liên kết với người nuôi, kiểm soát chất lượng đầu vào và chủ động kế hoạch thu mua nhằm giảm thiểu các tác động bất lợi.

RỦI RO CẠNH TRANH

Bên cạnh việc cạnh tranh các công ty cùng ngành trong nước, và các nước khác cũng nuôi cá tra: Trung Quốc, Indonesia, Bangladesh... Công ty còn phải cạnh tranh gián tiếp với cá tuyết, cá minh thái... và các sản phẩm khác. Điều này đã ảnh hưởng sự xuất khẩu, tăng sự cạnh tranh với cá tra Việt Nam. Sự cạnh tranh gay gắt giữa các nước xuất khẩu có nguồn cung lớn sẽ gây ra áp lực lớn cho CASEAMEX tạo ra những sản phẩm phù hợp với tiêu chí người tiêu dùng. Đây là thử thách lớn cũng vừa là mục tiêu, nguồn động lực cho CASEAMEX thúc đẩy nâng cao năng suất, điều chỉnh chi phí sản xuất một cách tối ưu, nâng cao chất lượng sản phẩm. Để giảm thiểu tác động của sự cạnh tranh mà vẫn đảm bảo lợi nhuận, CASEAMEX tận dụng triệt để các tiềm năng về kinh tế, vị trí địa lý, nguồn tài nguyên để phấn đấu phát triển thêm nhiều sản phẩm mới hạn chế tối đa chi phí và duy trì được mức giá cạnh tranh hiệu quả.

RỦI RO KHÁC

Ngoài ra, hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, dịch bệnh, thiên tai, hỏa hoạn,… Những rủi ro này mặc dù hiếm khi xảy ra nhưng có thể tác động gián tiếp hoặc trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Vì vậy Ban lãnh đạo của CASEAMEX luôn thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt các công tác tuyên truyền, linh động trong việc điều chỉnh chính sách hoạt động, điều hành một cách tối ưu nhằm hạn chế đến mức thấp nhất khả năng xảy ra của các rủi ro này.

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan về tác động môi trường và xã hội của Công ty

1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

A. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		% TH2025 / TH2024
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Bán thành phẩm (cá tra)	1.287.093	99,12%	1.472.320	99,68%	114,4%
2	Bán nhà ở xã hội	8.990	0,69%	3.365	0,23%	37,4%
3	Cung cấp dịch vụ	543	0,04%	565	0,04%	104,0%
4	Hoạt động khác	1.853	0,14%	785	0,05%	42,4%
	Tổng	1.298.479	100%	1.477.035	100%	113,8%

- Nhìn chung, năm 2025 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ghi nhận sự tăng trưởng tích cực so với năm 2024. Tổng doanh thu đạt 1.477.035 triệu đồng, tăng 13,8% so với cùng kỳ, cho thấy hoạt động kinh doanh có dấu hiệu phục hồi trong bối cảnh thị trường thủy sản dần ổn định.
- Doanh thu từ bán thành phẩm cá tra tiếp tục giữ vai trò chủ lực, đạt 1.472.320 triệu đồng, tăng 14,4% so với năm trước và chiếm tỷ trọng áp đảo 99,68% trong cơ cấu doanh thu. Điều này khẳng định định hướng tập trung vào ngành hàng cá tra của Công ty là phù hợp và hiệu quả.
- Đối với các hoạt động khác, doanh thu cung cấp dịch vụ duy trì ổn định với mức tăng nhẹ 4%, tuy nhiên tỷ trọng vẫn ở mức thấp. Trong khi đó, doanh thu bán nhà ở xã hội và hoạt động khác giảm đáng kể, lần lượt chỉ đạt 37,4% và 42,4% so với năm 2024, dẫn đến tỷ trọng đóng góp không đáng kể trong tổng doanh thu.
- Tổng thể, cơ cấu doanh thu năm 2025 tiếp tục tập trung cao vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là cá tra, trong khi các hoạt động ngoài ngành không còn đóng góp đáng kể, phù hợp với định hướng tập trung nguồn lực và nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

B. Tình hình thực hiện so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2024	TH năm 2025	KH năm 2025	%TH 2025/ KH 2025
1	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	33,57	45,41	40,6	111,9%
2	Tổng doanh thu	Triệu VND	1.309.050	1.478.258	1.420.000	104,1%
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu VND	11.307	51.329	35.000	146,7%
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	9.359	43.509	29.750	146,2%

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	50.718	0,28%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc	6.652.380	36,73%
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT không điều hành	185.440	1,02%
4	Ông Lê Tam Bình	Thành viên HĐQT không điều hành	19.034	0,11%
5	Ông Lê Văn Phăng	Thành viên HĐQT không điều hành	75.930	0,42%
6	Ông Đan Duy Dũng	Thành viên HĐQT không điều hành	120.000	0,66%
7	Ông Hoàng Tuấn Kiệt	Thành viên HĐQT không điều hành	519.780	2,87%

Ông NGUYỄN CHÍ THẢO
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1968
Quê quán: Cà Mau
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 50.718 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,28%

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính
Quá trình công tác:
- 07/2006 - 26/06/2020: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu thủy sản Cần Thơ.
- 26/06/2020 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Ông VÕ ĐÔNG ĐỨC
Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1959
Quê quán: Vĩnh Long
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.652.380 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 36,73%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế và kỹ sư chăn nuôi thú y
Quá trình công tác:
- 07/2006 - 26/06/2020: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 26/06/2020 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Bà VÕ THỊ THÚY NGA
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1965
Quê quán: Hậu Giang
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 185.440 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 1,02%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Chăn nuôi thú y
Quá trình công tác:
- 07/2006 - 01/2020: Thành viên HĐQT kiêm Quản đốc nhà máy sản xuất - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 01/2020-12/2024: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 12/2024 – nay: Thành viên HĐQT – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Ông Lê Tam Bình
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1968
Quê quán: Cần Thơ
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 19.034 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,11%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế biến
Quá trình công tác:
- Từ 07/2006 - 4/2007: Phó phân xưởng thành phẩm Cty CP XNK Thủy sản Cần Thơ.
- Từ 4/2007 – 06/2010: Trưởng KCS Cty CP XNK Thủy sản Cần Thơ.
- Từ 06/2010 - 12/2023: Phó quản đốc nhà máy Cty CP XNK Thủy sản Cần Thơ.
- Từ 1/2024 - nay: Trưởng phòng quản lý chất lượng Cty CP XNK Thủy sản Cần Thơ.

Ông LÊ VĂN PHĂNG
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1966
Quê quán: Sóc Trăng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 75.930 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,42%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chăn nuôi thú y
Quá trình công tác:
- Từ 07/2006 – nay: Làm tại Công ty CP XNK Thủy sản Cần Thơ.

Ông ĐAN DUY DŨNG

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1980
Quê quán: Hà Nam
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 120.000 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,66%

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học
Quá trình công tác:

- 2012 – nay: Làm việc trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu thủy sản; đảm nhiệm vai trò quản lý điều hành tại doanh nghiệp tư nhân.

Ông HOÀNG TUẤN KIỆT

Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1989
Quê quán: Thừa Thiên Huế
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 519.780 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 2,87%

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Quá trình công tác:

- 2014 – nay: Làm việc trong lĩnh vực sản xuất và xuất khẩu thủy sản; đảm nhiệm vai trò quản lý điều hành tại doanh nghiệp tư nhân.

DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng Ban kiểm soát	33.242	0,18%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên Ban kiểm soát	37.049	0,20%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên Ban kiểm soát	6.653	0,04%

Ông LÝ QUỐC TUẤN

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1974
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 33.242 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,18%

Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
Quá trình công tác:

- 07/2006 – 02/2010: Nhân viên phòng kế toán – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 03/2010 – 12/2024: Trưởng Ban kiểm soát kiêm Phó phòng kế toán - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 12/2024 - nay: Trưởng Ban kiểm soát - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Bà HỒ THỊ CẨM HUỲNH

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1975
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 37.049 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,20%

Trình độ chuyên môn: Đại học chăn nuôi thú y
Quá trình công tác:

- 01/2006 – 01/2020: Phó phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 01/2020 – 06/2020: Trưởng phòng kỹ thuật - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 06/2020 - nay: Thành viên BKS kiêm Trưởng phòng kỹ thuật – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

Bà NGUYỄN THỊ KHÁNH VÂN

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1978
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 6.653 cổ phiếu
Tỷ lệ sở hữu: 0,04%

Trình độ chuyên môn: Đại học Tài chính Kế toán
Quá trình công tác:

- 07/2006 – 06/2020: Nhân viên Phòng Tổ chức Hành chính – CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.
- 06/2020 – nay: Thành viên BKS kiêm Nhân viên văn phòng Tổ chức hành chính - CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ.

CHÍNH SÁCH

NHÂN SỰ

VỀ ĐÀO TẠO

Công ty không chỉ tập trung đầu tư vào các khóa đào tạo chuyên môn mà còn thúc đẩy sự giao lưu và trao đổi kinh nghiệm giữa các nhân viên. Các hoạt động này không chỉ nâng cao trình độ mà còn khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong công việc. Công ty cũng tạo điều kiện thuận lợi để nhân viên tham gia các khóa huấn luyện, từ đó tối ưu hóa khả năng phát triển cá nhân và tạo cơ hội thăng tiến trong tổ chức. Đồng thời, CASEAMEX không ngừng cập nhật kiến thức và kỹ năng vận hành máy móc, thiết bị để đáp ứng nhanh chóng với sự phát triển của công nghệ. Việc áp dụng khoa học công nghệ mới không chỉ giúp tăng cường hiệu suất làm việc mà còn đảm bảo rằng doanh nghiệp đang đáp ứng được mọi yêu cầu và thách thức trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

VỀ TUYỂN DỤNG

Công ty xây dựng chính sách tuyển dụng với các tiêu chí về trình độ chuyên môn, đánh giá sức khỏe, kỹ năng, khả năng thích ứng với chiến lược kinh doanh cũng như nhu cầu công việc. Quy trình tuyển dụng được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật lao động đồng thời tạo điều kiện cho thời gian thử việc và chính sách lương bổng phù hợp với từng vị trí

VỀ PHÚC LỢI

Công ty luôn quan tâm, chăm sóc toàn diện đến người lao động từ vật chất đến tinh thần. Vào các dịp lễ tết, ngoài việc cho cán bộ công nhân viên và người lao động được nghỉ đúng quy định, Công ty còn xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch, nghỉ mát nhằm tạo tinh thần đoàn kết và mối quan hệ, tạo điều kiện giao lưu văn hóa, văn nghệ thể dục thể thao cho các cán bộ công nhân viên.

VỀ LƯƠNG, THƯỞNG

CASEAMEX không chỉ tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành mà còn tạo ra một hệ thống khuyến khích, động viên nhân viên. Quy chế lương thưởng được xây dựng cụ thể, phản ánh đúng công bằng và xứng đáng với đóng góp của từng cá nhân. Công ty thường xuyên theo dõi và đánh giá năng suất làm việc, tổ chức các đợt khen thưởng để tôn vinh những nhân sự xuất sắc cũng như đề xuất sáng kiến cải tiến, từ đó tạo động lực cho sự nghiệp phát triển bền vững của mọi thành viên trong tổ chức.

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

Cơ cấu nhân sự tính tại ngày 31/12/2025

STT	Cơ cấu lao động	Năm 2024		Năm 2025	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
1	Trình độ trên Đại học	3	0,40%	3	0,40%
2	Đại học, cao đẳng	115	15,35%	122	15,72%
3	Trung cấp	54	7,21%	55	7,08%
4	Công nhân kỹ thuật	17	2,27%	77	9,92%
5	Trình độ lao động phổ thông	560	74,77%	519	66,88%
	TỔNG CỘNG	**749**	**100%**	**776**	**100%**

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025
Tổng số lượng người lao động (người)	749	776
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,3	11,4

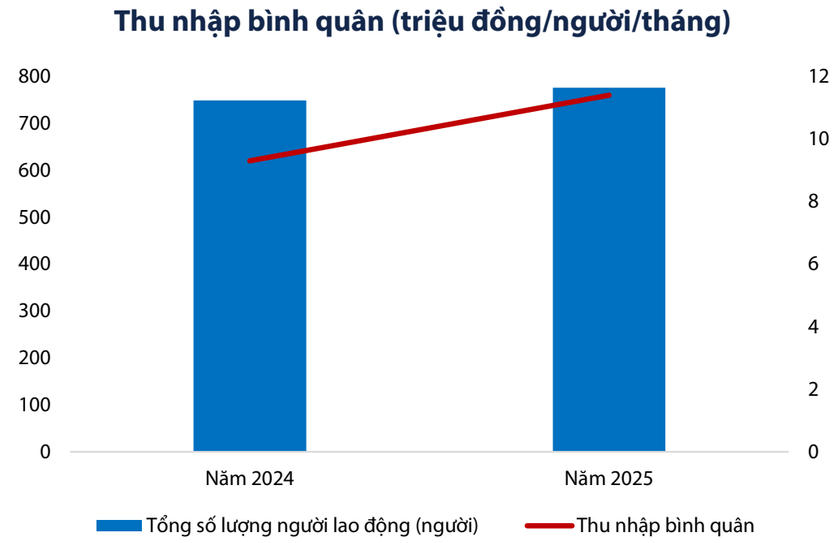

3. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Trong năm 2025, Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh với các điều kiện sản xuất hiện có, vì thế, Công ty không phát sinh đầu tư dự án mới.

Các khoản đầu tư lớn: Không có

Các công ty con, công ty liên kết: Không có

Tình hình đầu tư máy móc, thiết bị:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2025
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	142	2.100
2	Máy móc thiết bị	2.421	7.581
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	3.214
	Tổng cộng	**2.563**	**12.896**

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% Tăng giảm
1	Tổng tài sản	805.780	717.313	-10,98%
2	Doanh thu thuần	1.298.479	1.477.035	13,75%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.570	51.329	436,35%
4	Lợi nhuận khác	1.737	0	-100%
5	Lợi nhuận trước thuế	11.307	51.329	353,96%
6	Lợi nhuận sau thuế	9.359	43.509	364,89%

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2024	Năm 2025
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,31	1,53
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,92	1,22
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,68	0,60
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	2,15	1,51
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	3,26	7,22
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,45	1,94
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0,72	2,95
Hệ số LNST/VCSH bình quân	%	3,77	16,09
Hệ số LSNT/TTS bình quân	%	1,05	5,71

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2025, khả năng thanh toán của Công ty được cải thiện rõ rệt. Hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,31 lên 1,53 lần, trong khi hệ số thanh toán nhanh tăng từ 0,92 lên 1,22 lần. Điều này cho thấy Công ty đã nâng cao khả năng đảm bảo các nghĩa vụ tài chính ngắn hạn, đồng thời cải thiện chất lượng tài sản lưu động. Việc duy trì các hệ số thanh toán ở mức an toàn góp phần giảm áp lực thanh khoản và tăng tính chủ động trong hoạt động tài chính.

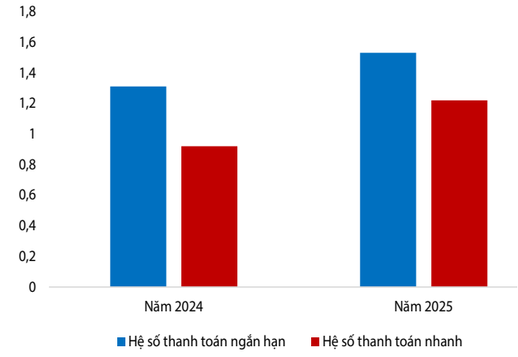

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Trước bối cảnh thị trường còn biến động và ngành thủy sản chịu nhiều rủi ro và thách thức, Công ty đã chủ động giảm đòn bẩy tài chính. Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,68 xuống 0,60 và hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 2,15 xuống 1,51, góp phần nâng cao mức độ an toàn tài chính và khả năng tự chủ về vốn.

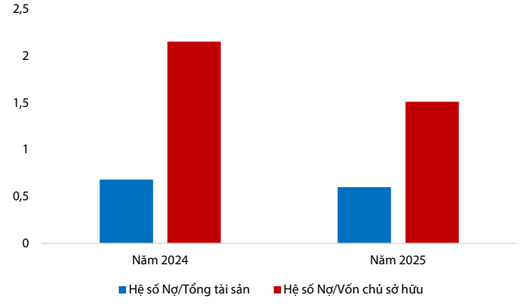

CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Trong bối cảnh thị trường xuất khẩu dần phục hồi, hiệu quả hoạt động của Công ty được cải thiện rõ rệt. Vòng quay hàng tồn kho tăng từ 3,26 lên 7,22 vòng và vòng quay tổng tài sản tăng từ 1,45 lên 1,94 vòng, cho thấy khả năng quản lý hàng tồn kho và sử dụng tài sản hiệu quả hơn.

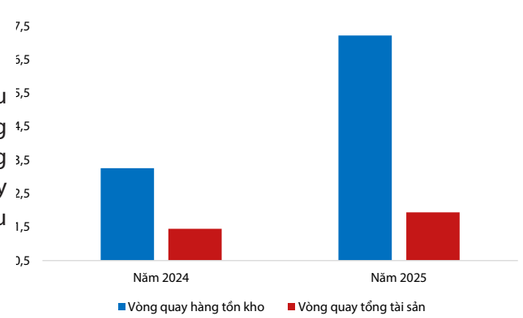

CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Trong bối cảnh chi phí đầu vào (nguyên liệu, logistics) vẫn ở mức cao và thị trường xuất khẩu cạnh tranh, Công ty vẫn đạt được sự tăng trưởng mạnh mẽ về khả năng sinh lời trong năm 2025. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 0,72% lên 2,95%, phản ánh hiệu quả cải thiện biên lợi nhuận. Đồng thời, ROE tăng từ 3,77% lên 16,09% và ROA tăng từ 1,05% lên 5,71%, cho thấy hiệu quả sử dụng vốn và tài sản được nâng cao đáng kể. Kết quả này cho thấy Công ty đã có những giải pháp phù hợp trong việc kiểm soát chi phí, tối ưu hoạt động và tận dụng cơ hội phục hồi của thị trường.

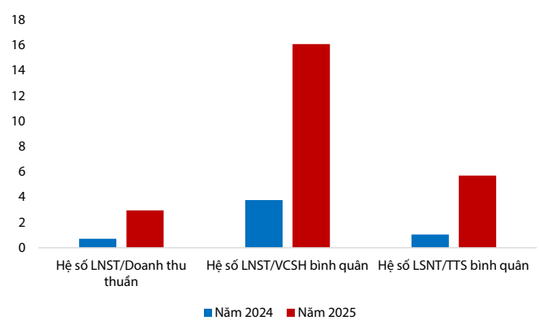

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

CỔ PHẦN

Thông tin cổ phần của công ty tại ngày 31/12/2025

TỔNG SỐ CỔ PHẦN		
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU QUỸ	:	0
SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH:	:	18.110.619
» Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	:	18.110.619
» Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	:	0

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

STT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	**Cổ đông trong nước**	**474**	**18.095.807**	**99,92%**
	- Tổ chức	471	14.525.637	80,21%
	- Cá nhân	3	3.570.170	19,71%
2	**Cổ đông nước ngoài**	**1**	**14.812**	**0,08%**
	- Cá nhân	1	14.812	0,08%
	- Tổ chức	-	-	-
3	**Cổ phiếu quỹ**	**-**	**-**	**-**
	Tổng cộng	**475**	**18.110.619**	**100%**

CỔ ĐÔNG LỚN

Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Ông Võ Đông Đức	6.652.380	36,73%
Ông Tăng Phước Thắng	1.368.960	7,56%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Công ty đã thực hiện tăng vốn trong năm 2025:

STT	Thời điểm tăng vốn	VĐL trước khi tăng/giảm (VND)	Giá trị VĐL tăng/giảm (VND)	VĐL sau khi tăng/giảm (VND)	Hình thức tăng/giảm vốn
1	5/2025	150.923.260.000	30.182.930.000	181.106.190.000	Phát hành cổ phiếu thưởng, Chào bán cổ phiếu cho CĐHH

6. BÁO CÁO LIÊN QUAN VỀ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Quá trình hoạt động sản xuất của Công ty chủ yếu là trong môi trường tự nhiên và sử dụng điện lưới làm nguồn năng lượng chủ yếu cho hoạt động của máy móc thiết bị nuôi và chế biến sản phẩm. Công ty cũng triển khai ứng dụng năng lượng tái tạo, đặc biệt là hệ thống điện mặt trời, nhằm đa dạng hóa nguồn năng lượng, giảm phụ thuộc vào nguồn điện truyền thống. Ngoài ra, Công ty cũng có định hướng đầu tư nghiên cứu để cải tiến máy móc, thiết bị và quy trình sản xuất, từ đó tối ưu trong việc sử dụng năng lượng để góp làm giảm chi phí cũng như góp phần giảm thiểu tác động đến môi trường.

Nước là nguồn nguyên vật liệu đóng vai trò vô cùng quan trọng trong toàn bộ quy trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với nguồn cung cấp nước đầu vào chủ yếu là nước sông Mekong và các suối nước ngầm phía dưới đất, Công ty đã xây dựng được quy trình kiểm soát và quản lý chất lượng nước trong quá trình sản xuất, bao gồm kiểm tra định kỳ và phân tích chất lượng nước, điều chỉnh pH và độ mặn của nước, và sử dụng các phương pháp xử lý nước để loại bỏ các chất độc hại và vi khuẩn gây bệnh cho cá. Đồng thời, CASEAMEX cũng đầu tư vào hệ thống xử lý nước thải để giảm thiểu tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nước tự nhiên.

1 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bên cạnh việc đảm bảo được chất lượng, vệ sinh an toàn trong toàn bộ quy trình nuôi và chế biến sản phẩm từ cá, CASEAMEX cũng luôn chủ trương xây dựng hệ thống xử lý rác và nước thải theo đúng các quy chuẩn trước khi đưa ra ngoài để hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Đồng thời, Công ty cũng thực hiện các công tác tuyên truyền, nâng cao ý thức của người lao động, cũng như tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, cải tạo và xây dựng môi trường tự nhiên của hoạt động sản xuất đến môi trường.

2 Chính sách liên quan đến người lao động

Năm	2024	2025
Tổng số lượng người lao động (người)	749	776
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	9,3	11,4

CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG NHẰM ĐẢM BẢO SỨC KHỎE, AN TOÀN VÀ PHÚC LỢI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

CASEAMEX luôn đảm bảo tính minh bạch, công bằng, hiệu quả trong việc xây dựng các bộ máy tuyển dụng đào tạo, quản lý tình hình hoạt động, năng suất làm việc, hoàn thiện các chế độ lương thưởng, đãi ngộ, phúc lợi. Công ty thường xuyên theo dõi, đánh giá để đưa ra định hướng, phân công công việc cụ thể, phù hợp với chức năng của từng phòng ban, từng cá nhân để có thể phát huy hết được năng lực và tạo ra cơ hội phát triển, thăng tiến trong định hướng sự nghiệp của người lao động. Qua đó, vừa nâng cao năng suất của nguồn nhân lực, đóng góp kết quả hoạt động của doanh nghiệp, vừa đáp ứng được nguyện vọng, đảm bảo đời sống và mọi quyền lợi hợp lý của toàn bộ nhân viên.

3 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Công ty cam kết tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật, tập trung vào việc đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường trong hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Công ty đặt mục tiêu đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế và xã hội của địa phương bằng cách tạo ra việc làm ổn định, tham gia hỗ trợ các chương trình giáo dục, y tế, văn hóa đồng thời tổ chức và tài trợ các hoạt động xã hội nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng địa phương Công ty cam kết thực hiện các hoạt động này để hỗ trợ cộng đồng và duy trì sự bền vững trong việc sử dụng tài nguyên đất đai, nước, năng lượng và các nguồn tài nguyên tự nhiên khác một cách có trách nhiệm và bền vững.

03

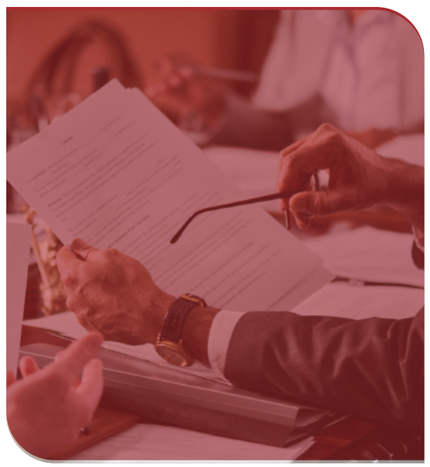

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tình hình tài chính
- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch phát triển trong tương lai
- Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
- Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

THUẬN LỢI

- Trong năm 2025, hoạt động sản xuất kinh doanh của CASEAMEX được hỗ trợ bởi các hiệp định thương mại tự do (FTA) tiếp tục phát huy hiệu quả, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu cá tra sang các thị trường trọng điểm. Nguồn nguyên liệu cá tra cơ bản ổn định nhờ việc tăng cường liên kết với vùng nuôi, giúp Công ty chủ động hơn trong sản xuất và kiểm soát chất lượng đầu vào.
- Công ty tiếp tục đầu tư nâng cấp máy móc, thiết bị và cải tiến quy trình sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm. Các hệ thống quản lý chất lượng như HACCP, BRC, ASC, BAP… tiếp tục được duy trì và cải tiến, đảm bảo sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của thị trường quốc tế.
- Bên cạnh đó, CASEAMEX duy trì được mạng lưới khách hàng ổn định tại các thị trường truyền thống như EU, Mỹ và châu Á, đồng thời từng bước mở rộng thị trường, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và củng cố vị thế trong ngành cá tra xuất khẩu.

KHÓ KHĂN

- Trong năm 2025, hoạt động của CASEAMEX tiếp tục chịu tác động từ những biến động phức tạp của kinh tế và thương mại toàn cầu. Nhu cầu tiêu thụ tại một số thị trường lớn phục hồi chậm, trong khi áp lực cạnh tranh gia tăng từ các quốc gia xuất khẩu cùng ngành đã ảnh hưởng đến giá bán và biên lợi nhuận của Công ty.
- Bên cạnh đó, các rào cản kỹ thuật ngày càng khắt khe liên quan đến truy xuất nguồn gốc, tiêu chuẩn môi trường và phát triển bền vững, cùng với xu hướng gia tăng các biện pháp phòng vệ thương mại, đặt ra nhiều thách thức đối với hoạt động xuất khẩu cá tra.
- Chi phí đầu vào, đặc biệt là chi phí nguyên liệu, thức ăn chăn nuôi và logistics vẫn ở mức cao, gây áp lực lên biên lợi nhuận của Công ty. Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động nuôi trồng và nguồn cung nguyên liệu cá tra.

NHỮNG TIẾN BỘ CỦA CÔNG TY ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM

- Trong năm 2025, CASEAMEX tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm cá tra thông qua việc cải tiến quy trình sản xuất và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế. Công ty đẩy mạnh đầu tư công nghệ, từng bước tự động hóa sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả vận hành và giảm chi phí.
- Đồng thời, CASEAMEX tăng cường liên kết với vùng nuôi, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định và đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc. Công ty cũng duy trì và mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế, góp phần ổn định đầu ra và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Bên cạnh đó, CASEAMEX tiếp tục xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, cải thiện chính sách đãi ngộ và đào tạo nguồn nhân lực, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

CƠ CẤU TÀI SẢN

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		TH 2025/ TH2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	721.803	89,58%	661.235	92,18%	91,61%
Tài sản dài hạn	83.977	10,42%	56.078	7,82%	66,78%
Tổng tài sản	805.780	100%	717.313	100%	89,02%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng tài sản của CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ đạt 717.313 triệu đồng, giảm 11,0% so với cuối năm trước. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn khi giá trị giảm còn 661.235 triệu đồng (-8,4%), dù tỷ trọng trong cơ cấu tổng tài sản tăng lên mức 92,18%. Ngược lại, tài sản dài hạn ghi nhận mức giảm mạnh hơn, còn 56.078 triệu đồng (-33,2%), kéo tỷ trọng xuống 7,82%.

Cơ cấu tài sản tiếp tục nghiêng mạnh về ngắn hạn, phản ánh xu hướng doanh nghiệp ưu tiên duy trì tính thanh khoản và linh hoạt trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động. Việc thu hẹp tài sản dài hạn cho thấy doanh nghiệp có xu hướng hạn chế đầu tư dài hạn, tập trung tối ưu vốn lưu động và kiểm soát rủi ro. Nhìn chung, sự điều chỉnh này giúp CASEAMEX duy trì khả năng thích ứng với điều kiện kinh doanh hiện tại, đồng thời cải thiện hiệu quả sử dụng vốn trong ngắn hạn.

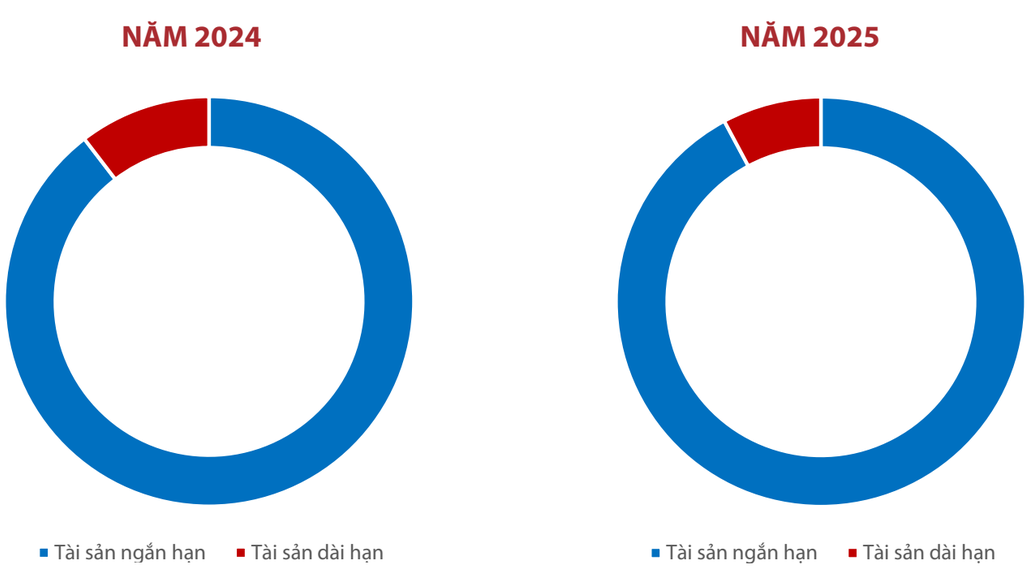

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		TH 2025/ TH2024
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	550.109	100%	432.082	100%	78,54%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Nợ phải trả	550.109	100%	432.082	100%	78,54%

- Trong năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì tình trạng không có nợ dài hạn và ghi nhận mức giảm đáng kể ở nợ ngắn hạn, từ 550.109 triệu đồng xuống còn 432.082 triệu đồng, tương ứng giảm 21,46% so với cuối năm 2024. Sự sụt giảm này chủ yếu đến từ việc Công ty chủ động thu hẹp các khoản vay ngắn hạn và tăng cường sử dụng nguồn vốn nội bộ trong bối cảnh chi phí lãi vay vẫn ở mức cao và điều kiện tín dụng chưa thực sự nới lỏng.
- Đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đòi hỏi nhu cầu vốn lưu động lớn, tuy nhiên việc giảm mạnh dư nợ vay ngắn hạn cho thấy doanh nghiệp đang từng bước cải thiện khả năng tự chủ tài chính. Việc không phát sinh nợ dài hạn tiếp tục là điểm tích cực trong cơ cấu tài chính, góp phần hạn chế rủi ro thanh toán và giảm áp lực chi phí tài chính trong dài hạn.
- Trong bối cảnh thị trường còn nhiều biến động và ngành thủy sản vẫn đối mặt với những thách thức về nhu cầu tiêu thụ và chi phí đầu vào, việc kiểm soát tốt nợ phải trả, đặc biệt là nợ ngắn hạn, sẽ giúp Công ty củng cố nền tảng tài chính, nâng cao khả năng thanh khoản và tạo dư địa cho sự phát triển ổn định trong thời gian tới.

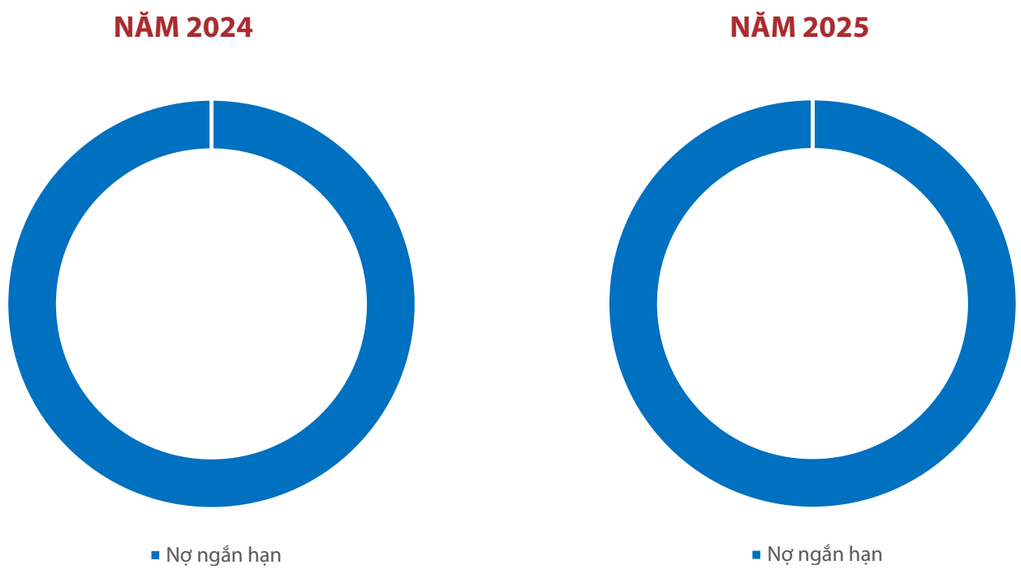

3. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Trong năm 2025, CASEAMEX tiếp tục đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm cá tra theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ trong quản lý và sản xuất. Công ty chú trọng đầu tư cải tiến quy trình vận hành, từng bước ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao hiệu quả quản trị, tối ưu chi phí và nâng cao chất lượng sản phẩm.
- Bên cạnh đó, CASEAMEX tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới khách hàng tại các thị trường trọng điểm như EU, Mỹ và châu Á, đồng thời tích cực tham gia các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác mới. Những nỗ lực này góp phần duy trì đầu ra ổn định và nâng cao vị thế của Công ty trong ngành cá tra xuất khẩu.
- Về tổ chức và nhân sự, Công ty tiếp tục hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích đổi mới và sáng tạo. Hệ thống đánh giá hiệu suất và chính sách đãi ngộ được cải tiến nhằm thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.
- Những cải tiến về quản trị, công nghệ và nguồn nhân lực đã góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển ổn định và bền vững của CASEAMEX trong dài hạn.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026:

Năm 2026, Công ty lên kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu như sau:

STT	Nội dung	KH 2026
1	Doanh thu	1.500.000
2	Lợi nhuận	40.000
3	Tỷ lệ LNST/DTT	0,023

Nguồn: Kế hoạch năm 2026 theo dự kiến của Hội đồng Quản trị
(kế hoạch chi tiết sẽ được Công Ty trình thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2026)

5. GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

6. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1 Đánh giá liên quan đến lao động

Công ty luôn chú trọng hoàn thiện hệ thống chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ nhằm xây dựng môi trường làm việc hấp dẫn, thu hút và giữ chân nguồn nhân lực chất lượng cao. Cơ chế lương thưởng cạnh tranh, gắn với năng lực, hiệu quả công việc và mức độ đóng góp của từng cá nhân. Bên cạnh đó, Công ty không ngừng phát triển các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn và kỹ năng nhằm nâng cao năng lực cho người lao động, khuyến khích sự phát triển toàn diện và gia tăng giá trị đóng góp cho doanh nghiệp.

Công ty thực hiện đầy đủ các chế độ phúc lợi theo quy định như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, đồng thời đảm bảo các điều kiện làm việc về cơ sở vật chất, an toàn lao động. Môi trường làm việc được xây dựng theo hướng an toàn, thân thiện, tôn trọng quyền lợi hợp pháp của người lao động, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

2 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty tích cực tham gia các hoạt động xã hội và hỗ trợ cộng đồng tại địa phương, đặc biệt trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Các chương trình hướng đến an sinh xã hội, hỗ trợ người dân và đóng góp cho sự phát triển chung của cộng đồng. Công ty thường xuyên tham gia tài trợ các hoạt động xã hội, chương trình thiện nguyện, cũng như các sáng kiến bảo vệ môi trường. Những hoạt động này thể hiện cam kết trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần cho người dân, đồng thời thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại địa phương.

3 Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty chú trọng công tác quản lý và kiểm soát các yếu tố môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh, bao gồm việc sử dụng hiệu quả điện, nước, quản lý và xử lý chất thải theo đúng quy định. Các biện pháp bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định pháp luật hiện hành, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và hướng đến phát triển bền vững.

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

- Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Trong năm 2025, mặc dù tiếp tục đối mặt với nhiều biến động từ thị trường quốc tế và ngành thủy sản, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh một cách linh hoạt, chủ động và hiệu quả. Các kế hoạch kinh doanh được triển khai phù hợp với tình hình thực tế, góp phần duy trì sự ổn định và từng bước cải thiện kết quả hoạt động của Công ty.
- Hội đồng quản trị ghi nhận các giải pháp điều hành đã phát huy hiệu quả trong việc tối ưu hóa hoạt động sản xuất, kiểm soát chi phí và tập trung vào ngành hàng cốt lõi là cá tra. Điều này giúp Công ty nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tăng cường khả năng thích ứng trước những biến động của thị trường.
- Tuy nhiên, Công ty vẫn chịu áp lực cạnh tranh từ các quốc gia xuất khẩu cùng ngành, cùng với các rào cản thương mại và chi phí đầu vào ở mức cao. Điều này đòi hỏi Ban điều hành tiếp tục nâng cao năng lực quản trị, chủ động xây dựng các giải pháp ứng phó nhằm duy trì hiệu quả hoạt động trong thời gian tới.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành và quản lý hoạt động của Công ty. Ban điều hành đã chủ động đưa ra các giải pháp kịp thời, phù hợp với diễn biến thị trường, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh được duy trì ổn định và đạt được các mục tiêu đề ra.
- Công tác quản trị điều hành được thực hiện minh bạch, tuân thủ các quy định hiện hành, đồng thời tăng cường kiểm soát nội bộ và nâng cao hiệu quả quản lý. Các báo cáo định kỳ được thực hiện đầy đủ, kịp thời, hỗ trợ Hội đồng quản trị trong việc giám sát và ra quyết định.
- Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc đã tích cực triển khai các hoạt động cải tiến sản xuất, kiểm soát chi phí, phát triển thị trường và đảm bảo nguồn nguyên liệu, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và củng cố vị thế của Công ty trong ngành cá tra xuất khẩu.

3. CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Trong năm 2026 và các năm tiếp theo, Hội đồng quản trị định hướng tiếp tục duy trì và củng cố vị thế của CASEAMEX trong ngành cá tra xuất khẩu, đồng thời nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Công ty sẽ tập trung ổn định và phát triển thị trường xuất khẩu hiện hữu, đồng thời từng bước mở rộng sang các thị trường tiềm năng. Việc xây dựng và phát triển thương hiệu CASEAMEX tiếp tục được chú trọng nhằm nâng cao nhận diện và uy tín trên thị trường quốc tế.
- Hội đồng quản trị cũng định hướng nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất thông qua tối ưu quy trình, kiểm soát chi phí và đầu tư công nghệ phù hợp. Đồng thời, Công ty tiếp tục chú trọng, đảm bảo nguồn nguyên liệu ổn định, chất lượng cao và đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc.
- Bên cạnh đó, CASEAMEX sẽ đẩy mạnh các sáng kiến cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm cá tra và nâng cao chất lượng dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường, gia tăng giá trị sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh doanh trong dài hạn.

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT	50.718	0,28%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	6.652.380	36,73%
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	185.440	1,02%
4	Lê Tam Bình	Thành viên HĐQT	19.034	0,11%
5	Lê Văn Phăng	Thành viên HĐQT	75.930	0,42%
6	Đan Duy Dũng	Thành viên HĐQT	120.000	0,66%
7	Hoàng Tuấn Kiệt	Thành viên HĐQT	519.780	2,87%

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi, giám sát việc thực hiện các chiến lược đã đề ra của Ban giám đốc.

- Xem xét các báo cáo thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Xem xét và giải quyết các vấn đề được nêu ra trong các báo cáo của ban kiểm soát.
- Xem xét, định hướng phát triển cho Công ty, quyết định các phương án đầu tư, mở rộng sản xuất theo thẩm quyền của HĐQT.

CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT	13/13	100%
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT	13/13	100%
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	13/13	100%
4	Lê Tam Bình	Thành viên HĐQT	5/5	100%
5	Lê Văn Phăng	Thành viên HĐQT	5/5	100%
6	Đan Duy Dũng	Thành viên HĐQT	5/5	100%
7	Hoàng Tuấn Kiệt	Thành viên HĐQT	5/5	100%

CÁC NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH TRONG NĂM 2025

Hội đồng quản trị đã tổ chức 21 phiên họp trực tiếp. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	02	18/02/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Lâm Văn Minh
2	08	18/02/2025	Điều chỉnh thời gian dự kiến phát hành và thời gian dự kiến sử dụng vốn của đợt phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
3	10	18/02/2025	Thông qua hồ sơ đăng ký phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
4	19	21/03/2025	Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh năm 2024 và thảo luận về kế hoạch và định hướng kinh doanh năm 2025
5	20	21/03/2025	Kế hoạch kinh doanh năm 2025
6	28	03/04/2025	Gia hạn thời hạn họp ĐHĐCĐ 2025
7	32	21/04/2025	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông tham gia và thời gian tổ chức ĐHĐCĐ 2025
8	39	15/05/2025	Thông qua việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu từ đợt chào báo cổ phiếu ra công chúng, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và một số nội dung khác liên quan
9	67	27/06/2025	Ban hành quy chế Công bố thông tin
10	75	08/07/2025	Thông qua phương án xử lý CP chưa phân phối hết từ đợt chào bán thêm CP cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua
11	78	15/07/2025	Thông qua kết quả đợt chào bán thêm CP ra công chúng và sửa đổi Điều lệ về việc thay đổi vốn điều lệ
12	03	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Nguyễn Khắc Chung
13	04	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Lê Thành Được
14	05	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Phan Hoàng Duy
15	06	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Nguyễn Trí Tùng
16	07	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Lâm Văn Minh
17	08	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Nguyễn Chí Thảo
18	09	09/08/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - ông Võ Đông Đức
19	117	10/09/2025	V/v triển khai chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt
20	143	29/10/2025	Điều chỉnh nội dung về Vốn điều lệ tại Điều lệ công ty
21	10	31/12/2025	Quyết định bổ nhiệm nhân sự - bà Phạm Minh Ngọc

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có

2. BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	33.242	0,18%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	37.049	0,20%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	6.653	0,04%

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lý Quốc Tuấn	2/2	100%
2	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	2/2	100%
3	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	2/2	100%

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	2024	2025
Ban lãnh đạo				
1	Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	525.000.000	540.000.000
2	Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc	609.000.000	628.000.000
3	Bà Võ Thị Thuý Nga	Thành viên HĐQT	470.646.000	487.681.000
4	Ông Lê Tam Bình	Thành viên HĐQT	-	87.860.000
5	Ông Lê Văn Phăng	Thành viên HĐQT	-	82.760.000
6	Ông Hoàng Tuấn Kiệt	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
7	Ông Đan Duy Dũng	Thành viên HĐQT	-	36.000.000
8	Ông Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng giám đốc	337.500.000	350.000.000
9	Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng giám đốc	405.020.000	420.000.000
10	Ông Lâm Văn Minh	Phó Tổng giám đốc	-	308.000.000
11	Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng BKS	328.778.000	332.977.000
12	Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên BKS	326.683.000	334.005.000
13	Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên BKS	224.749.000	234.090.000
		TỔNG CỘNG	3.227.376.000	3.877.373.000

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ: Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Trong năm 2025, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tiếp tục chú trọng công tác quản trị công ty, xem đây là một trong những yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo hoạt động ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Công ty thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành, tuân thủ Điều lệ và các quy chế nội bộ đã ban hành, đồng thời từng bước điều chỉnh, bổ sung các quy định quản trị phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty.
- Công ty tiếp tục thực hiện rà soát, cập nhật các văn bản nội bộ như Điều lệ, Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và các bộ phận liên quan nhằm đảm bảo tính tuân thủ và phù hợp với quy định pháp luật. Bên cạnh đó, công tác phổ biến, cập nhật quy định pháp lý và nâng cao nhận thức về quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành được duy trì, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và giám sát.
- Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì việc công bố thông tin song ngữ (Việt - Anh) theo đúng quy định, đảm bảo tính minh bạch trong hoạt động và tạo điều kiện cho cổ đông, nhà đầu tư tiếp cận thông tin đầy đủ, kịp thời.
- Trong thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị theo hướng phù hợp với quy mô và đặc thù hoạt động, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời bảo đảm hài hòa lợi ích của cổ đông và các bên liên quan.

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

MỤC LỤC

		Trang
1.	Mục lục	1
2.	Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
3.	Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4.	Bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2025	5 - 8
5.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6.	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 – 11
7.	Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 33
8.	Phụ lục	34

****

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 4553/QĐ-UB ND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Cần Thơ về việc chuyển Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu thuộc Công ty Nông súc sản Xuất nhập khẩu Cần Thơ thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800632306, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 6 năm 2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 30 tháng 9 năm 2025 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
- Điện thoại : (0292) 3.841.289
- Fax : (0292) 3.841.116

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Phú Long, xã Lục Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, ấp Phụng Tường 2, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thuỷ sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Nguyễn Chí Thảo	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Võ Đông Đức	Phó Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Võ Thị Thúy Nga	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Văn Phăng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Tam Bình	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Đan Duy Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Hoàng Tuấn Kiệt	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Ông Lê Thành Được	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Lý Quốc Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Võ Đông Đức	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Chí Thảo	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Lê Thành Được	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Phan Hoàng Duy	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Nguyễn Trí Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025
Ông Lâm Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Võ Đông Đức – Tổng Giám đốc (Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 8 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Võ Đông Đức
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Ho Chi Minh Head Office : 02 Truong Son St., Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam — Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Hanoi Branch : 40 Giang Vo St., Giang Vo Ward, Ha Noi City, Vietnam — Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Central Region Branch : Lot STH 06A 01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam — Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
Southwest Branch : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam — Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn
www.a-c.com.vn

Số: 4.0186/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Tây Nam Bộ

Nguyễn Quốc Ngữ
Thành viên Ban Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1
Người được ủy quyền

Phan Minh Khang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 4744-2024-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

A&C Auditing and Consulting Co., Ltd. trading as Baker Tilly A&C is a member of the global network of Baker Tilly International Ltd., the members of which are separate and independent legal entities

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**661.235.393.375**	**721.803.437.478**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**53.810.619.150**	**23.610.628.185**
1. Tiền	111		53.810.619.150	23.610.628.185
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**120.500.000.000**	**98.500.000.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	120.500.000.000	98.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**335.724.024.596**	**360.077.930.429**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	303.778.192.481	317.777.815.940
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28.392.708.406	39.241.837.042
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	3.553.123.709	3.058.277.447
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	**140**		**136.103.713.479**	**217.973.697.623**
1. Hàng tồn kho	141	V.6	136.103.713.479	217.973.697.623
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**15.097.036.150**	**21.641.181.241**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	1.135.646.568	4.468.735.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.961.389.582	17.172.445.676
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**56.077.650.565**	**83.977.035.491**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**54.358.356.800**	**61.733.096.208**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39.009.729.132	45.452.418.688
- *Nguyên giá*	*222*		*209.697.896.742*	*245.086.186.278*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		*(170.688.167.610)*	*(199.633.767.590)*
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- *Nguyên giá*	*225*		-	-
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*226*		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	15.348.627.668	16.280.677.520
- *Nguyên giá*	*228*		*24.989.372.255*	*24.989.372.255*
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		*(9.640.744.587)*	*(8.708.694.735)*
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		-	**20.000.000.000**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2	-	20.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.719.293.765**	**2.243.939.283**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	1.719.293.765	2.243.939.283
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**717.313.043.940**	**805.780.472.969**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**432.081.766.892**	**550.109.393.763**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**432.081.766.892**	**550.109.393.763**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	41.349.659.738	46.392.679.615
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	25.676.230.828	53.088.237.489
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	4.130.514.890	2.272.054.281
4. Phải trả người lao động	314	V.13	42.445.517.279	16.292.512.804
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	21.165.868.964	4.320.401.908
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	29.224.777.761	29.285.194.056
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	262.698.500.000	397.408.500.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	5.390.697.432	1.049.813.610
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**285.231.277.048**	**255.671.079.206**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**		**285.231.277.048**	**255.671.079.206**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18a	181.106.190.000	150.923.260.000
- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*181.106.190.000*	*150.923.260.000*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18a	50.017.106.924	65.348.226.982
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18a	2.508.094.861	2.508.094.861
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18a	14.008.996.410	11.833.554.499
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.590.888.853	25.057.942.864
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*	*421a*		*608.376.364*	*25.057.942.864*
- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*	*421b*		*36.982.512.489*	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**717.313.043.940**	**805.780.472.969**

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Nguyễn Khắc Chung	Võ Đông Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**1.478.258.335.417**	**1.309.049.864.758**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**VI.2**	**1.223.651.000**	**10.569.872.556**
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**		**1.477.034.684.417**	**1.298.479.992.202**
4. Giá vốn hàng bán	**11**	**VI.3**	**1.278.104.102.303**	**1.148.343.000.327**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		**198.930.582.114**	**150.136.991.875**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	**21**	**VI.4**	**22.063.305.514**	**16.312.693.844**
7. Chi phí tài chính	**22**	**VI.5**	**19.188.261.874**	**22.349.583.126**
Trong đó: chi phí lãi vay	23		18.456.478.103	22.114.229.638
8. Chi phí bán hàng	**25**	**VI.6**	**142.136.332.899**	**129.156.719.278**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	**26**	**VI.7**	**8.340.350.738**	**5.372.897.135**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**51.328.942.117**	**9.570.486.180**
11. Thu nhập khác	**31**	**VI.8**	-	**1.796.107.200**
12. Chi phí khác	**32**	**VI.9**	-	**59.120.950**
13. Lợi nhuận khác	**40**		-	**1.736.986.250**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**51.328.942.117**	**11.307.472.430**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**51**	**V.12**	**7.820.103.895**	**1.948.397.043**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	**52**		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**43.508.838.222**	**9.359.075.387**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10a, b**	**2.306**	**522**
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	**71**	**VI.10a, b**	**2.306**	**522**

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Nguyễn Khắc Chung	Võ Đông Đức

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1.487.366.111.367	1.263.316.953.680
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1.212.846.188.615)	(1.032.175.233.887)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(110.506.216.907)	(138.427.781.255)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	V.14, VI.5	(18.366.501.053)	(22.299.893.305)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	V.12	(6.524.735.074)	(323.222.754)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		51.725.688.336	11.323.690.425
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(15.058.757.467)	(49.460.821.737)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***		***175.789.400.587***	***31.953.691.167***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8	(12.895.577.726)	(2.563.192.891)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		8.058.333.333	258.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12.000.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		10.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.4	4.313.712.329	5.482.553.426
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***		***(2.523.532.064)***	***(16.822.639.465)***

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18a	14.851.809.942	18.066.837.982
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	1.068.654.605.000	981.088.196.600
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(1.202.615.060.000)	(1.001.240.316.600)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18d	(23.957.232.500)	(12.219.665.550)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***		***(143.065.877.558)***	***(14.304.947.568)***
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**		**30.199.990.965**	**826.104.134**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**V.1**	**23.610.628.185**	**22.303.845.905**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	480.678.146
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**V.1**	**53.810.619.150**	**23.610.628.185**

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Nguyễn Khắc Chung	Võ Đông Đức

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản, thuỷ sản xuất khẩu; Nuôi trồng thủy sản nội địa; Cho thuê nhà xưởng, nhà kho; Gia công chế biến các mặt hàng thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm giống và kỹ thuật thủy sản	Tổ 7, ấp Phú Long, xã Lục Sĩ Thành, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Cần Thơ – Chi nhánh Thủy sản Đại Ngãi	Thửa đất số 1243, tờ bản đồ số 04, cồn nổi số 2, ấp Phụng Tường 2, xã Nhơn Mỹ, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính
Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên
Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 776 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 749 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng
Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200") và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh..
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng thường xuyên giao dịch là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chỉ gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty chủ yếu là chi phí công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định được ghi nhận theo thực tế phát sinh và được phân bổ dần vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 08

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời hạn sử dụng, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm như người sở hữu sản phẩm hoặc quyền kiểm soát sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ
Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu bán bất động sản
Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp khách hàng có quyền hoàn thiện nội thất của bất động sản và Công ty thực hiện việc hoàn thiện nội thất của bất động sản theo đúng thiết kế, mẫu mã, yêu cầu của khách hàng theo một hợp đồng hoàn thiện nội thất bất động sản riêng thì doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành, bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động
Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi
Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu
Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ năm trước, đến năm nay mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí đi vay
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí
Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành
Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại
Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	758.628.075	187.769.539
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.051.991.075	23.422.858.646
Cộng	**53.810.619.150**	**23.610.628.185**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	***120.500.000.000***	***120.500.000.000***	***98.500.000.000***	***98.500.000.000***
Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	120.500.000.000	120.500.000.000	98.500.000.000	98.500.000.000
Dài hạn	**-**	**-**	***20.000.000.000***	***20.000.000.000***
Tiền gửi có kỳ hạn 13 tháng	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	**120.500.000.000**	**120.500.000.000**	**118.500.000.000**	**118.500.000.000**

Toàn bộ khoản tiền gửi này đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
NP - USA INC	98.478.403.432	267.803.863.591
Goody Foods Corporation	91.739.600.004	-
Các khách hàng khác	113.560.189.045	49.973.952.349
Cộng	**303.778.192.481**	**317.777.815.940**

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ khí Môi trường Ngọc Thy	2.344.650.000	2.621.400.000
Bà Trần Thị Soan	-	7.256.496.100
Ông Nguyễn An Hữu	-	5.235.611.520
Ông Nguyễn Thành Du	-	4.868.037.200
Ông Phan Thành Vinh	-	6.292.553.187
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Dũng Phát	10.929.225.708	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại YTECH	11.931.867.200	4.828.750.000
Các nhà cung cấp khác	3.186.965.498	8.138.989.035
Cộng	**28.392.708.406**	**39.241.837.042**

5. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ông Võ Hồng Phụng – Phải thu đầu tư cá nguyên liệu	-	-	135.865.376	-
Tạm ứng	506.851.791	-	816.111.386	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.879.021.918	-	1.932.550.685	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	167.250.000	-	173.750.000	-
Cộng	**3.553.123.709**	**-**	**3.058.277.447**	**-**

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.819.679.068	-	4.543.628.776	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.310.695.537	-	49.591.918.110	-
Thành phẩm	82.973.338.874	-	163.838.150.737	-
Cộng	**136.103.713.479**	**-**	**217.973.697.623**	**-**

Toàn bộ thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 82.973.338.874 VND (số đầu năm là 163.838.150.737 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16).

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.022.431.468	1.062.896.997
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	67.141.669	1.258.752.461
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	46.073.431	2.147.086.107
Cộng	**1.135.646.568**	**4.468.735.565**

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.474.640.311	1.962.862.116
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	244.653.454	281.077.167
Cộng	**1.719.293.765**	**2.243.939.283**

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	108.768.969.691	120.294.154.273	12.294.524.189	3.728.538.125	245.086.186.278
Mua trong năm	2.099.535.914	7.581.219.556	3.214.822.256	-	12.895.577.726
Thanh lý, nhượng bán	(8.784.473.023)	(37.129.039.694)	(2.370.354.545)	-	(48.283.867.262)
Số cuối năm	**102.084.032.582**	**90.746.334.135**	**13.138.991.900**	**3.728.538.125**	**209.697.896.742**
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	54.801.635.875	43.221.942.690	5.107.668.714	3.468.538.125	106.599.785.404
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	91.232.804.093	97.195.523.009	7.578.302.358	3.627.138.130	199.633.767.590
Khấu hao trong năm	4.293.862.797	6.120.453.656	834.417.496	31.200.000	11.279.933.949
Thanh lý, nhượng bán	(7.600.712.322)	(32.032.232.957)	(592.588.650)	-	(40.225.533.929)
Số cuối năm	**87.925.954.568**	**71.283.743.708**	**7.820.131.204**	**3.658.338.130**	**170.688.167.610**
Giá trị còn lại					

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Số đầu năm	17.536.165.598	23.098.631.264	4.716.221.831	101.399.995	45.452.418.688
Số cuối năm	**14.158.078.014**	**19.462.590.427**	**5.318.860.696**	**70.199.995**	**39.009.729.132**
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 8.801.110.365 VND (số đầu năm 17.741.224.588 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16).

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	24.921.802.260	67.569.995	24.989.372.255
Số cuối năm	**24.921.802.260**	**67.569.995**	**24.989.372.255**
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	67.569.995	67.569.995
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	8.641.124.740	67.569.995	8.708.694.735
Khấu hao trong năm	932.049.852	-	932.049.852
Số cuối năm	**9.573.174.592**	**67.569.995**	**9.640.744.587**
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	16.280.677.520	-	16.280.677.520
Số cuối năm	**15.348.627.668**	**-**	**15.348.627.668**
Trong đó:			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-

Một số quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách cuối năm là 15.348.627.668 VND (số đầu năm 15.814.652.594 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh V.16).

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH King Group	3.026.604.805	6.108.466.189
Ông Nguyễn Thành Du	4.472.939.667	-
Bà Hoàng Thị Thanh Xuân	4.828.007.500	5.848.007.500
Các nhà cung cấp khác	29.022.107.766	34.436.205.926
Cộng	**41.349.659.738**	**46.392.679.615**

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Trần Thị Cẩm Huê	7.737.000.000	11.400.000.000
Ông Huỳnh Phước Duy	-	11.000.000.000
Bà Hoàng Thị Thanh Xuân	9.090.000.000	11.540.000.000
Bà Hoàng Tú Linh	-	12.000.000.000
Các khách hàng khác	8.849.230.828	7.148.237.489
Cộng	**25.676.230.828**	**53.088.237.489**

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.708.456.503	7.820.103.895	(6.524.735.074)	3.003.825.324
Thuế thu nhập cá nhân	561.840.178	1.830.171.451	(1.268.238.763)	1.123.772.866
Thuế tài nguyên	1.757.600	52.785.500	(51.626.400)	2.916.700
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	**2.272.054.281**	**9.708.060.846**	**(7.849.600.237)**	**4.130.514.890**

Thuế giá trị gia tăng
Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hàng hóa xuất khẩu	0%
Hàng hóa tiêu thụ nội địa	Không chịu thuế, 5%, 10%
Dịch vụ	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp
Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 15% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 thì Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% đối với thu nhập từ kinh doanh nhà ở xã hội để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.328.942.117	11.307.472.430
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	330.502.932	127.806.513
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	51.659.445.049	11.435.278.943
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	51.659.445.049	11.435.278.943
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	***10.331.889.010***	***2.287.055.789***
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	***(2.587.147.838)***	***(338.658.746)***
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	***75.362.723***	-
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	**7.820.103.895**	**1.948.397.043**

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên
Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m^3, thuế suất 8% và hoạt động khai thác nước mặt với mức 5.000 VND/m^3, thuế suất 3%.

Tiền thuê đất
Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất đang sử dụng với mức tiền thuê theo quy định trong từng hợp đồng thuê đất.

Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác
Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Tiền lương, thưởng còn phải trả người lao động.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cước tàu nước ngoài	942.794.840	3.611.881.306
Chi phí điện sản xuất phải trả	1.118.043.878	708.520.602
Chi phí kiểm hàng	11.256.699.043	-
Chi phí giao nhận hàng tại Mỹ	2.650.504.553	-
Chi phí thuế đối ứng	3.975.218.220	-
Chi phí lãi vay	89.977.050	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.132.631.380	-
Cộng	**21.165.868.964**	**4.320.401.908**

15. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	364.057.560	385.880.668
Bảo hiểm xã hội	947.122.691	953.276.639
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	19.400.000.000	19.100.000.000
Phải trả tiền đặt cọc dự án nhà ở xã hội	4.021.277.911	4.516.946.616
Cổ tức phải trả	4.181.918.003	3.689.584.003
Các khoản phải trả khác	310.401.596	639.506.130
Cộng	**29.224.777.761**	**29.285.194.056**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng		
- Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long (i)	*152.188.500.000*	*311.208.500.000*
- Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ (ii)	*98.510.000.000*	*86.200.000.000*
- Vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ (iii)	*12.000.000.000*	-
Cộng	**262.698.500.000**	**397.408.500.000**

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng bằng Sông Cửu Long để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, ký quỹ thanh toán L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, tài sản cố định hữu hình và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.2, V.8 và V.9).

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.2, V.6 và V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chế biến thủy sản với lãi suất thả nổi, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.2, V.6 và V.9).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	397.408.500.000	414.342.000.000
Số tiền vay phát sinh	1.068.654.605.000	981.088.196.600
Số tiền vay đã trả	(1.202.615.060.000)	(1.001.240.316.600)
Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm	(749.545.000)	3.218.620.000
Số cuối năm	**262.698.500.000**	**397.408.500.000**

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.049.813.610	6.459.916.071
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	4.350.883.822	935.907.539
Chi quỹ trong năm	(10.000.000)	(6.346.010.000)
Số cuối năm	**5.390.697.432**	**1.049.813.610**

18. Vốn chủ sở hữu

18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ông Võ Đông Đức	66.523.800.000	55.436.500.000
Công ty TNHH MTV Thủy sản Trung Tín	30.295.300.000	-
Ông Tăng Phước Thắng	13.689.600.000	7.203.000.000
Các cổ đông khác	70.597.490.000	88.283.760.000
Cộng	**181.106.190.000**	**150.923.260.000**

Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:01 (cổ đông hiện hữu sở hữu 10 cổ phần được nhận 01 cổ phiếu phát hành thêm) bằng nguồn thặng dư vốn cổ phần và chào bán 1.509.232 cổ phiếu phổ thông theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu để bổ sung vốn kinh doanh theo Nghị quyết số 56/NQ/ĐHĐCĐ.2024 ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn góp của chủ sở hữu 30.182.930.000 VND và giảm thặng dư vốn cổ phần 15.090.610.000 VND. Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 11 do Sở Tài chính thành phố Cần Thơ cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 181.106.190.000 VND.

18c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	18.110.619	15.092.326
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	18.110.619	15.092.326
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.110.619*	*15.092.326*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- *Cổ phiếu phổ thông*	-	-
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	18.110.619	15.092.326
- *Cổ phiếu phổ thông*	*18.110.619*	*15.092.326*
- *Cổ phiếu ưu đãi*	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2024 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 69/NQ/ĐHĐCĐ.2025 ngày 28 tháng 6 năm 2025 như sau:

	Số được phân phối	Số đã phân phối trong năm trước	Số phân phối trong năm nay
• Trích quỹ khen thưởng	935.907.539	(935.907.539)	-
• Trích quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	374.363.015	(374.363.015)	-
• Chia cổ tức	24.449.566.500	-	24.449.566.500

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 4.350.883.822 VND và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 2.175.441.911 VND từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 69/NQ/ĐHĐCĐ.2025 ngày 28 tháng 6 năm 2025.

Đồng thời, trong năm Công ty đã chi trả cổ tức các năm trước cho cổ đông với số tiền 23.957.232.500 VND (năm trước là 12.219.665.550 VND).

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

19a. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.389.383.381	1.389.383.381
Trên 01 năm đến 05 năm	5.409.999.277	5.706.848.592
Trên 05 năm	23.073.495.873	24.166.029.939
Cộng	**29.872.878.531**	**31.262.261.913**

19b. Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	1.766.253,32	617.357,81
Euro (EUR)	104,05	104,05

19c. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Nguyên nhân xóa sổ
Blue is Inc	7.699.465.152	7.699.465.152	Không có khả năng thu hồi
Lotus Seafood	3.197.340.160	3.197.340.160	Không có khả năng thu hồi
Công ty Cổ phần Việt An	3.439.194.082	3.439.194.082	Không có khả năng thu hồi
AC Impot Inc	2.716.027.450	2.716.027.450	Không có khả năng thu hồi
Sea International	25.545.903.161	25.545.903.161	Không có khả năng thu hồi
Caseamex USA	6.664.539.399	6.664.539.399	Không có khả năng thu hồi
Khách hàng khác	7.929.783.584	7.929.783.584	Không có khả năng thu hồi
Cộng	**57.192.252.988**	**57.192.252.988**	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm	1.473.543.533.544	1.297.663.226.898
Doanh thu bán nhà Gia Phúc	3.364.734.284	8.990.218.095
Doanh thu cho thuê	564.821.394	543.157.632
Doanh thu khác	785.246.195	1.853.262.133
Cộng	**1.478.258.335.417**	**1.309.049.864.758**

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Hàng bán bị trả lại	1.223.651.000	10.569.872.556
Cộng	**1.223.651.000**	**10.569.872.556**

3. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.274.822.879.730	1.139.664.298.250
Giá vốn bán nhà Gia Phúc	3.281.222.573	8.678.702.077
Cộng	**1.278.104.102.303**	**1.148.343.000.327**

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	5.260.183.562	4.989.120.550
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.551.971	7.275.537
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	14.009.339.493	11.213.360.389
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.782.230.488	102.937.368
Cộng	**22.063.305.514**	**16.312.693.844**

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	18.456.478.103	22.114.229.638
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	731.783.771	235.353.488
Cộng	**19.188.261.874**	**22.349.583.126**

6. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	19.483.620.794	17.590.228.812
Chi phí dịch vụ mua ngoài	62.152.651.915	32.673.261.487
Chi phí hoa hồng	5.203.857.955	2.556.889.933
Chi phí cước tàu CNF	51.198.856.493	73.153.635.357
Các chi phí khác	4.097.345.742	3.182.703.689
Cộng	**142.136.332.899**	**129.156.719.278**

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	684.000.000	612.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	467.091.809	208.581.543
Thuế, phí và lệ phí	440.091.394	95.633.357
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.645.119.444	3.744.557.069
Các chi phí khác	1.104.048.091	712.125.166
Cộng	**8.340.350.738**	**5.372.897.135**

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	258.000.000
Thu nhập khác	-	1.538.107.200
Cộng	**-**	**1.796.107.200**

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	59.120.950
Cộng	**-**	**59.120.950**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	43.508.838.222	9.359.075.387
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.350.883.822)	(935.907.539)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	39.157.954.400	8.423.167.848
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	16.981.796	16.147.434
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	**2.306**	**522**

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	15.092.326	13.734.017
Ảnh hưởng cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	1.889.470	2.413.417
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	**16.981.796**	**16.147.434**

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay được tạm tính với mức trích 10% lợi nhuận chưa phân phối năm 2025 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 69/NQ/ĐHĐCĐ.2025 ngày 28 tháng 6 năm 2025.

10b. Thông tin khác

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần và phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu. Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước giảm từ 575 VND xuống còn 522 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	963.720.054.465	1.304.161.188.707
Chi phí nhân công	154.931.455.062	135.610.296.501
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.211.983.801	11.306.557.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài	143.252.163.917	167.342.108.092
Chi phí khác	8.166.442.344	11.808.943.904
Cộng	**1.282.282.099.589**	**1.630.229.094.662**

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu góp vốn bằng tiền	12.966.820.000	-
Trả cổ tức bằng tiền	9.986.776.195	4.972.840.360
Bán tài sản cố định	1.180.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên Ban kiểm soát

	Năm nay	Năm trước
Ông Võ Đông Đức - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	628.000.000	609.000.000
Ông Nguyễn Chí Thảo - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc	540.000.000	525.000.000
Bà Võ Thị Thúy Nga - Thành viên Hội đồng quản trị	487.681.000	470.646.000
Bà Lê Huỳnh Thanh Trúc - Thành viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2025)	223.096.000	349.950.000
Ông Lê Thành Được - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 6 năm 2025)	386.000.000	409.500.000
Ông Lê Tam Bình - Thành viên Hội đồng quản trị	87.860.000	-
Ông Lê Văn Phăng - Thành viên Hội đồng quản trị	82.760.000	-
Ông Hoàng Tuấn Kiệt - Thành viên Hội đồng quản trị	36.000.000	-
Ông Đan Duy Dũng - Thành viên Hội đồng quản trị	36.000.000	-
Ông Nguyễn Trí Tùng - Phó Tổng Giám đốc	350.000.000	337.500.000
Ông Phan Hoàng Duy - Phó Tổng Giám đốc	420.000.000	405.020.000
Ông Lâm Văn Minh - Phó Tổng Giám đốc	308.000.000	-
Ông Lý Quốc Tuấn - Trưởng Ban Kiểm soát	332.977.000	328.778.000
Bà Hồ Thị Cẩm Huỳnh - Thành viên Ban kiểm soát	334.005.000	326.683.000
Bà Nguyễn Thị Khánh Vân - Thành viên Ban kiểm soát	234.090.000	224.749.000
Cộng	**4.486.469.000**	**3.986.826.000**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ
Địa chỉ: 2-12, khu công nghiệp Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến cá tra fillet đông lạnh. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh khác chủ yếu là kinh doanh bất động sản (doanh thu từ hoạt động khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu, khoảng 0,23%). Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trong nước	305.854.703.398	472.121.793.792
Nước ngoài	1.171.179.981.019	826.358.198.410
Cộng	**1.477.034.684.417**	**1.298.479.992.202**

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Nguyễn Khắc Chung	Võ Đông Đức

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	150.923.260.000	56.789.552.000	(9.508.163.000)	2.508.094.861	11.459.191.484	29.082.998.831	241.254.934.176
Phát hành cổ phiếu quỹ trong năm trước	-	8.558.674.982	9.508.163.000	-	-	-	18.066.837.982
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	9.359.075.387	9.359.075.387
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	-	-	374.363.015	(1.310.270.554)	(935.907.539)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	-	(12.073.860.800)	(12.073.860.800)
Số dư cuối năm trước	**150.923.260.000**	**65.348.226.982**	**-**	**2.508.094.861**	**11.833.554.499**	**25.057.942.864**	**255.671.079.206**
Số dư đầu năm nay	150.923.260.000	65.348.226.982	-	2.508.094.861	11.833.554.499	25.057.942.864	255.671.079.206
Phát hành cổ phiếu tăng vốn trong năm nay	15.090.610.000	(15.090.610.000)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền trong năm nay	15.092.320.000	(240.510.058)	-	-	-	-	14.851.809.942
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	43.508.838.222	43.508.838.222
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	-	-	2.175.441.911	(6.526.325.733)	(4.350.883.822)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	-	-	(24.449.566.500)	(24.449.566.500)
Số dư cuối năm nay	**181.106.190.000**	**50.017.106.924**	**-**	**2.508.094.861**	**14.008.996.410**	**37.590.888.853**	**285.231.277.048**

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thị Tuyết Hồng	Nguyễn Khắc Chung	Võ Đông Đức
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

TP.HCM, ngày 15 tháng 04 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC

Võ Đông Đức

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN CẦN THƠ

2-12, Khu Công Nghiệp Trà Nóc 2, Phường Phước Thới, TP Cần Thơ, Việt Nam

(0292) 3841 289

(0292) 3841 116

https://caseamex.com